

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘC CHÂU  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST  
Ngày 06/3/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bàn Văn Chanh và bà Nguyễn Thị Tiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa:** Bà Mùi Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thế Q** (tên gọi khác L), sinh năm 1980, tại huyện G, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế L và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ là Vũ Thị H (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/7/2007 Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến nay. Có mặt.

*Bị hại:* Chị Sái Thị N, sinh năm 1975, nơi cư trú: Tiểu khu 12, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2013 Nguyễn Thế Q (tên gọi khác L), sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội đến làm thuê cho quán cắt tóc gội đầu của chị Sái Thị N, sinh năm 1975, nơi cư trú: Tiểu khu 12, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Do ham chơi lười lao động nên đến khoảng tháng 5/2014 Q không muốn làm thuê cho chị N nữa, Q nhiều lần đòi tiền công nhưng chị N chưa trả nên Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-AIRBLADE, biển kiểm soát 26G1-034.29 của chị N. Đến ngày 21/5/2014 lợi dụng lúc chị N đang trong nhà vệ sinh, Q lén vào buồng ngủ của chị N lấy chìa khóa xe máy để ở đầu giường ngủ, khi đó Q nhìn thấy cạnh chiếc chìa khóa xe máy có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA-LUMIA 630, vỏ màu đen, Q đã lấy trộm điện thoại rồi tắt nguồn, sau đó Q đi ra sân trước của quán chị N cắm chìa khóa vào ổ điện của xe máy rồi nổ máy bỏ đi. Trước khi đi Q đến quán của chị Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1982, trú tại Tiểu Khu 12, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La mượn 01 mũ bảo hiểm màu trắng, loại mũ thời trang nửa đầu để đội đi đường, Q điều khiển xe máy đi theo hướng QL 43 đi huyện P, tỉnh Sơn La đến huyện M, thành phố Hà Nội. Sáng ngày 22/5/2014 Q điều khiển xe máy đến thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để chơi với bạn, trên đường đi Q đã tháo và vứt chiếc sim trong điện thoại NOKIA-LUMIA 630 lấy trộm được của chị N và mua 01 sim khác lắp vào điện thoại để sử dụng. Khi đến thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, Q vào quán nước ven đường ngồi uống nước thì thấy cạnh quán có 03 người đàn ông lạ mặt đang chơi cờ được thua bằng tiền, Q đến xem thì một người đàn ông khoảng 40 tuổi rủ chơi cùng. Do không có tiền nên Q đã cầm chiếc xe máy với giá 3.000.000đ cho người đàn ông trên. Q chơi được khoảng vài ván thì gần hết số tiền 3.000.000đ nên Q nghỉ không chơi nữa, do chơi cờ thua không còn tiền chuộc xe nên người đàn ông cho Q cầm xe nói mai, kia mang tiền đến thì cho Q chuộc xe máy, Q đồng ý rồi đi về Hà Nội. Sau khi cầm xe và chơi cơ hết tiền, Q gọi điện cho chị Nguyễn Hồng Đ bảo chị Đ đến nói với chị N, Q đã cầm xe máy của chị N, chị N muốn lấy xe phải đưa cho Q 10.000.000đ, sau đó chị Đ đến quán chị N nói sự việc. Chị Đ gọi điện cho Q để Q và chị N nói chuyện, Q nói chị N đưa tiền cho chị Đ để Đ đi lấy xe máy và điện thoại về cho N, chị N đồng ý. Đến tối ngày 22/5/2014 N cầm số tiền 8.000.000đ đến đưa cho Đ, tuy nhiên do sợ Đ không chuộc được xe máy và điện thoại mà còn mất thêm 8.000.000đ nên chị N đã lấy lại số tiền đưa cho Đ đồng thời đã trình báo Công an huyện Mộc Châu điều tra, giải quyết và nộp 01 giấy đăng ký mô tô xe máy mang tên Sái Thị N. Nguyễn Thế Q sau khi biết tin chị N đã trình báo cơ quan công an về việc Q trộm cắp tài sản, Q đã không liên lạc với chị N và chị Đ nữa và bỏ đi làm thuê ở địa phương khác. Đến ngày 06/12/2018 Q tiếp tục đến quán chị N xin làm thuê, chị N đã thông báo với cơ quan Công an, cùng ngày cơ quan Công an đã triệu tập Nguyễn Thế Q lên làm việc. Nguyễn Thế Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tạm giữ của Q: 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thế Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 vỏ màu xanh, bên trong lắp 02 sim.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 431 ngày 08/12/2018 kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-AIRBLADE, màu sơn: Đen, vàng, biển kiểm soát 26G1-

034.29, số khung: 511856, số máy: 1448077, trị giá 29.500.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-LUMIA 630 vỏ màu đen, trị giá 2.360.000đ. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 31.860.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số: 31/CT-VKSMC ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố bị cáo Nguyễn Thế Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Thế Q về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự . Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Q từ 18 đến 21 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung - Phạt tiền đối với bị cáo.

2. Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 13; Điều 584; Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy của Nguyễn Thế Q;

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003811 mang tên Sái Thị N (Đăng ký của xe máy 26G1-034.29), cấp ngày 10/10/2012 do công an huyện Mộc Châu cấp.

Tạm giữ của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 vỏ màu xanh, bên trong lắp 02 sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng để đảm bảo cho việc thi hành án về phần án phí.

Buộc bị cáo Nguyễn Thế Q phải bồi thường tiền giá trị 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-AIRBLADE, biển kiểm soát 26G1-034.29 là 29.500.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-LUMIA 630 vỏ màu đen, là 2.360.000đ. Tổng là 31.860.000đ.

3. Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại nhất trí với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thế Q thừa nhận: Ngày 21/5/2014 đã lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-AIRBLADE, biển kiểm soát 26G1-034.29, trị giá 29.500.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-LUMIA 630 vỏ màu đen, trị giá 2.360.000đ. Tổng là 31.860.000đ.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập như: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; đơn trình báo của người bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản định giá tài sản.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 31.860.000đ của bị cáo Nguyễn Thế Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017, để xem xét cho bị cáo.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ được hành vi của mình làm là nguy hiểm cho xã hội và bản thân, nhưng do hám lời bất chính và nghiện chất ma túy, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân, coi thường kỷ cương xã hội và pháp luật của Nhà nước nên bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương. Do đó bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố đẻ, mẹ đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và nhì là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 20/7/2007 Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã được xóa án tích. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa thấy rằng bị cáo không có tài sản nên không phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo theo quy định của khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 13; Điều 584; Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong đựng test thử ma túy của Nguyễn Thế Q. Không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003811 mang tên Sái Thị N (Đăng ký của xe máy 26G1-034.29), cấp ngày 10/10/2012 do Công an huyện Mộc Châu cấp. Là giấy tờ xe của bị hại Sái Thị N. Do xe đã mất, chị N không yêu cầu lấy lại, hiện đang lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 chứng minh thư mang tên Nguyễn Thế Q là giấy tờ tùy thân của bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã giao trả cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật, do đó cần chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 vỏ màu xanh, bên trong lắp 02 sim. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay xác định là tài sản của bị cáo. Không liên quan đến việc phạm tội. Do đó cần tuyên tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với chiếc xe máy HONDA-AIRBLADE, biển kiểm soát 26G1-034.29 màu sơn đen, vàng mà Nguyễn Thế Q chiếm đoạt của chị N, Q đã cầm cố lấy tiền đánh bạc. Sau khi cầm cố Q đã quay lại để tìm và chuộc xe máy nhưng không gặp người nhận cầm cố, bản thân Q cũng không rõ họ tên, địa chỉ người nhận cầm cố xe. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-LUMIA 630 vỏ màu đen Q chiếm đoạt của chị N và chiếc sim trong điện thoại. Do Q làm mất điện thoại và vứt sim. Do đó cơ quan Công an không có căn cứ tiến hành xác minh thu giữ xe máy và điện thoại trên.

Tại phiên tòa bị hại chị Sái Thị N yêu cầu bị cáo Nguyễn Thế Q phải bồi thường giá trị 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-AIRBLADE, biển kiểm soát 26G1-034.29 là 29.500.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-LUMIA 630 vỏ màu đen, là 2.360.000đ. Tổng là 31.860.000đ là hợp lý, và có căn cứ, cần chấp nhận.

[5]. Đối với chị Nguyễn Hồng Đ là người đã cho bị cáo Nguyễn Thế Q mượn mũ bảo hiểm để bị cáo đội sau khi bị cáo đã trộm được xe máy và điện thoại của chị N. Đồng thời Đ cũng là người được bị cáo gọi điện thoại thông báo việc Q đã cầm xe máy của chị N và Q nhờ chị Đ thông báo lại cho chị N biết. Tuy nhiên, bản thân Điệp không biết việc Q chiếm đoạt xe máy và điện thoại của chị N. Trước khi chiếm đoạt tài sản của chị N, Q cũng không bàn bạc, trao đổi gì với Đ. Do đó không đề cập đến việc xử lý đối với chị Nguyễn Hồng Đ. Đối với chiếc mũ bảo hiểm chị Đ đã cho Q mượn chị Đ không đề nghị Q phải trả hay bồi thường lại cho Đ, do đó không đề cập tới việc giải quyết.

Đối với người đàn ông đã nhận cầm cố chiếc xe máy do Q chiếm đoạt của chị N để lấy tiền chơi cờ được thua bằng tiền tại ven đường thuộc địa phận thị xã T, tỉnh Bắc Ninh như bị cáo khai. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ của người này, do đó không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với bị cáo Nguyễn Thế Q cầm cố chiếc xe máy chiếm đoạt được của Sái Thị N để lấy tiền đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi cờ thế. Do Nguyễn Thế Q không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của những người tham gia đánh bạc cùng Q và cũng chỉ biết gặp những người này ở khu vực ven đường thuộc địa phận thị xã T, tỉnh Bắc Ninh vì vậy không có căn cứ để xác minh, điều tra xử lý đối với Q về hành vi đánh bạc theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Nguyễn Thế Q sau khi cầm xe lấy tiền chơi cờ thế hết. Q đã yêu cầu chị N đưa cho Q số tiền 10.000.000đ thì Q mới mang xe và điện thoại về cho chị N, ban đầu chị N đồng ý đưa 8.000.000đ cho chị Đ để chị Đ đi lấy xe và điện thoại. Tuy nhiên vì sợ mất số tiền 8.000.000đ mà không lấy được tài sản nên chị N đã lấy lại số tiền 8.000.000đ từ chị Đ và không cho chị Đ đi gặp Q nữa. Do đó Q chưa chiếm đoạt được tiền của chị N nên không đề cập đến việc xử lý đối với Q về hành vi này.

[6]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Thời hạn tạm giam của bị cáo còn dưới 45 ngày nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế Q (tên gọi khác L) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Q (tên gọi khác L) 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 08/12/2018.

Không áp dụng hình phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với bị cáo.

2. Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 13; Điều 584; Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi 01 (một) test thử ma túy đối với Nguyễn Thế Q 06/12/2018. KQ: Dương tính. Bên trong đựng test thử ma túy của Nguyễn Thế Q.

Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã trả cho bị cáo 01 chứng minh thư mang tên Nguyễn Thế Q.

Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thế Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 vỏ màu xanh, bên trong lắp 02 sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Để đảm bảo cho việc thi hành án về phần án phí.

Buộc bị cáo Nguyễn Thế Q phải bồi thường tiền giá trị 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA-AIRBLADE, biển kiểm soát 26G1-034.29 là 29.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-LUMIA 630 vỏ màu đen, là 2.360.000 đồng. Tổng là 31.860.000 đồng (*Ba mươi một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thế Q (tên gọi khác Lâm) phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.593.000đ (một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06/3/2019.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- THAHS;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Trung Kiên**